

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

Nguyễn Thị Ngọc Loan

**“CHÍNH SÁCH KIỀU HỒI CỦA MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á VÀ BÀI HỌC KINH
NGHIỆM CHO VIỆT NAM”**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, năm 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận án này được hoàn thành là cả quá trình nghiên cứu với tinh thần nghiêm túc của bản thân, cùng với sự giúp đỡ tận tình của tập thể giảng viên hướng dẫn. Các số liệu, kết quả, trích dẫn nêu trong luận án có nguồn gốc rõ ràng và trung thực.

Tác giả luận án

NCS. Nguyễn Thị Ngọc Loan

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	ii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	v
DANH SÁCH BIỂU, BẢNG.....	vii
DANH SÁCH CÁC HÌNH.....	viii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ KIỀU HỐI.....	16
VÀ CHÍNH SÁCH KIỀU HỐI.....	16
1.1 Tổng quan về kiều hối	16
1.1.1 Khái niệm về kiều hối.....	16
1.1.2 Sơ lược về dòng chu chuyển kiều hối toàn cầu.....	17
1.1.3 Các nhân tố ảnh hưởng tới dòng kiều hối giữa các quốc gia.....	26
1.1.4 Tác động của kiều hối đến phát triển kinh tế xã hội của các nước đang phát triển ----	30
1.1.4.1 Những tác động tích cực của kiều hối đến phát triển kinh tế xã hội của các nước đang phát triển.....	30
1.1.4.2 Những tác động tiêu cực của kiều hối đến phát triển kinh tế xã hội ở các nước đang phát triển.....	38
1.2 Tổng quan về chính sách kiều hối	44
1.2.1 Khái niệm và nội dung chính sách kiều hối.....	44
1.2.2 Chính sách kiều hối ở các nước đang phát triển.....	49
1.2.2.1 Chính sách nhằm thu hút dòng kiều hối phục vụ cho phát triển kinh tế và xã hội ở các nước đang phát triển ----	49
1.2.2.2 Chính sách quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng dòng kiều hối ----	51
CHƯƠNG II: KIỀU HỐI VÀ CHÍNH SÁCH KIỀU HỐI	55
CỦA MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á	55
2.1 Kiều hối và vai trò của kiều hối ở các nước Châu Á	55
2.2.1 Ở Ấn Độ.....	57
2.2.1.1 Chính sách kiều hối của Ấn Độ ----	57
2.2.1.2 Tác động của kiều hối đến phát triển kinh tế xã hội Ấn Độ ----	63
2.2.2 Ở Trung Quốc	66
2.2.2.1 Chính sách kiều hối của Trung Quốc.....	67

2.2.2.2 Tác động của kiều hối đến phát triển kinh tế xã hội Trung Quốc -----	69
2.2.3 Ở Philippines-----	73
2.2.3.1 Chính sách kiều hối của Philippines -----	73
2.2.3.2 Tác động của kiều hối đến phát triển kinh tế xã hội của Philippines -----	78
2.3 Kết luận rút ra từ việc phân tích chính sách kiều hối của Ấn Độ, Trung Quốc và Philippines	86
CHƯƠNG III: BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆC HOẠCH ĐỊNH VÀ THỰC THI CHÍNH SÁCH KIỀU HỐI CỦA VIỆT NAM.....	90
3.1 Bài học kinh nghiệm về chính sách kiều hối của ba quốc gia Ấn Độ, Trung Quốc và Philippines.	90
3.2 Thực trạng và tác động của kiều hối đến phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam	92
3.2.1 Cơ sở pháp lý về kiều hối tại Việt Nam -----	92
3.2.2 Phương thức chuyển tiền kiều hối tại Việt Nam-----	97
3.2.3 Thực trạng của dòng kiều hối chảy vào Việt Nam -----	98
3.2.4 Phân tích tác động của kiều hối đến phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam-----	107
3.2.4.1 Những tác động tích cực của kiều hối đến phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam -	107
3.2.4.2 Những tác động tiêu cực của kiều hối đến phát triển kinh tế - xã hội -----	113
3.3 Vận dụng bài học kinh nghiệm về thu hút, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kiều hối của Ấn Độ, Trung Quốc và Philipines trong chính sách kiều hối của Việt Nam.	123
3.4 Một số kiến nghị về chính sách kiều hối của Việt Nam	128
KẾT LUẬN.....	134

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	TIẾNG ANH	TIẾNG VIỆT
1	ADB	Asian Development Bank	Ngân hàng phát triển châu Á
2	BSP	Bangko Sentralng Philipinas	Ngân hàng nhà nước Phillipines
3	BPO	Business Process	Gia công một số công đoạn sản xuất kinh doanh
4	FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
5	IMF	International Monetary Fund	Quỹ tiền tệ quốc tế
6	IMD	Institute of Management Development	Viện quản lý phát triển
7	IT		Công nghệ thông tin
8	NRI	Non Resident Indian City	Thành phố dành riêng cho Ấn kiều
9	NHNN		Ngân hàng nhà nước
10	NHTM		Ngân hàng thương mại
11	ODA	Official Development Assistance	Viện trợ phát triển chính thức
12	TSC		Tài sản có
13	TSN		Tài sản nợ
14	UNCTAD	United Nations Conference on Trade and Development	Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển

15	RBI	Reserve Bank of India	Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ
16	RGE	Roubini Global Economics	Công ty phân tích kinh tế tài chính
17	WEF	World Economics Forum	Diễn đàn kinh tế thế giới
18	WB	World Bank	Ngân hàng thế giới

DANH SÁCH BIỂU, BẢNG

STT	STT bảng	Danh mục các biểu, bảng	Trang
1	Bảng 1.1	Thu hút kiều hối từ các châu lục	20
2	Bảng 1.2	Số lượng kiều bào sinh sống tại một số các quốc gia	24
3	Bảng 1.3	Số lượng lao động Việt Nam tại một số quốc gia châu Á	25
4	Bảng 1.4	Tổng hợp những đóng góp và hạn chế của dòng kiều hối	42
5	Bảng 2.1	Lượng kiều hối chuyển về Trung Quốc	65
6	Bảng 2.2	Một số chỉ số kinh tế quan trọng về kinh tế Trung Quốc	69
7	Bảng 2.3	Lượng kiều hối chuyển về Philippines	73
8	Bảng 2.4	Một số chỉ số kinh tế quan trọng về kinh tế Philippines	77
9	Bảng 3.1	Chi phí can thiệp của NHNN Việt Nam trên thị trường ngoại hối	116

DANH SÁCH CÁC HÌNH

STT	STT hình	Danh mục các hình	Trang
2	Hình 1.2	Nhóm nước nhận kiều hối lớn nhất thế giới	23
3	Hình 1.1	Thứ bậc của kinh tế Trung Quốc có sự nhảy vọt trong vòng 6 năm qua	70
4	Hình 3.1	Dòng kiều hối vào Việt Nam giai đoạn 1995 - 2010	101
5	Hình 3.2	Diễn biến của kiều hối, tiết kiệm và đầu tư tại Việt Nam	108
6	Hình 3.3	Dòng vốn FDI và kiều hối vào Việt Nam giai đoạn 1996 - 2011	112
7	Hình 3.4	Tỷ giá thực song phương USD/VND từ 1995-2010	114
8	Hình 3.5	Cán cân thương mại Việt Nam giai đoạn quý I/2005 đến quý IV/2008	115
9	Hình 3.6	Mối quan hệ giữa lạm phát và cung ứng tiền M2 từ quý III/2005 đến quý I/2010	116
10	Hình 3.7	Mối quan hệ giữa kiều hối và tiền gửi ngoại tệ của Việt Nam giai đoạn 1996 - 2009	118
11	Hình 3.8	Lượng ngoại tệ trong lưu thông của Việt Nam từ quý I/1996 đến quý IV/2009	119

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Dưới tác động mạnh mẽ của làn sóng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ thông tin điện tử và viễn thông, kể từ đầu thập kỷ 70 cùng với sự sụp đổ của hệ thống tiền tệ Bretton Woods (1973), quá trình di chuyển vốn diễn ra nhanh chóng và rộng khắp ở nhiều nước khác nhau trên thế giới. Các nhu cầu về giao dịch tài chính quốc tế gia tăng nhanh chóng do sự gia tăng thương mại quốc tế trong những năm 1960 và việc thực hiện cơ chế quản lý tỷ giá thả nổi vào đầu năm 1980 đã thúc đẩy mạnh mẽ làn sóng di chuyển vốn và ngoại tệ giữa các quốc gia nhằm đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi ích của quá trình toàn cầu hóa thương mại và đầu tư.

Các nước đang phát triển, đặc biệt là những nước có tỷ lệ tiết kiệm nội địa thấp, luôn có nhu cầu rất lớn về nguồn vốn cho tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, nhất là xóa đói giảm nghèo. Đối với các nước này, nguồn lực trong nước là cơ bản, nhưng nguồn lực từ bên ngoài luôn có vai trò đặc biệt quan trọng cho sự tăng trưởng bứt phá, đuổi kịp các nền kinh tế phát triển khác. Nhằm đáp ứng yêu cầu vốn, nhiều quốc gia thường tìm đến thị trường tài chính trong nước và quốc tế như phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu quốc tế hay đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nhận viện trợ phát triển chính thức (ODA) mà còn ít quan tâm đến những khoản tiền của các cá nhân chuyển từ nước ngoài về cho thân nhân trong nước, đó là dòng tiền kiều hối ... Kiều hối ngày càng có khuynh hướng quan trọng đối với các quốc gia có thu nhập trung bình và thấp. Song, tại một số quốc gia, dòng kiều hối hiện lại bị giới hạn bởi các yếu tố nội tại thuộc các nước tiếp nhận kiều hối như chính sách quản lý của nhà nước, mức phí chuyển tiền, hệ thống dịch vụ ngân hàng trong nước... đòi hỏi phải cải thiện các chính sách để tối ưu hóa vai trò cũng như các lợi ích tiềm năng của dòng kiều hối

có thể mang lại cho nền kinh tế. Có rất nhiều quốc gia trên thế giới có nguồn kiều hối lớn hơn và ổn định hơn nguồn FDI rất nhiều và thậm chí còn lớn hơn cả nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA).

Ở các nước đang phát triển nói chung và một số nước Châu Á nói riêng mà điển hình như Ấn Độ, Trung Quốc, Philippines... dòng kiều hối chảy về trong nước ngày càng tăng lên đáng kể. Trên khắp thế giới, nhóm nước nhận kiều hối nhiều nhất trong năm 2013 bao gồm Ấn Độ, Trung Quốc, Mêhicô, Philippines và Pháp. Ở các nước châu Á, ba quốc gia đứng đầu về thu hút kiều hối đó là Ấn Độ, Trung Quốc, Philippines và Việt Nam đứng hàng thứ tư. Đối với Việt Nam, kiều hối ngày càng trở nên quan trọng. Những năm gần đây, dòng kiều hối vào Việt Nam tăng cả về số tuyệt đối và tương đối so với GDP. Thống kê cho thấy, từ năm 1993 đến 2009, lượng kiều hối đã tăng lên khoảng 45 lần, từ 141 triệu USD năm 1993 lên 6,28 tỷ USD năm 2009 và năm 2013 Việt Nam đã đạt hơn 12 tỷ USD kiều hối thu hút từ nước ngoài.[19]

Thực hiện chính sách mở cửa nền kinh tế, Việt Nam đã thực hiện các chính sách nới lỏng đối với dòng kiều hối từ năm 1989. Những thay đổi trong chính sách quản lý ngoại hối cũng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các dòng vốn nói chung và kiều hối nói riêng. Song các chính sách liên quan đến kiều hối vẫn còn nhiều bất cập, chưa thu hút tối đa các nguồn kiều hối để phát huy những tác động tích cực và có những biện pháp hữu hiệu nhằm hạn chế tác động tiêu cực của kiều hối. Để tối ưu hóa nguồn vốn kiều hối cho phát triển đòi hỏi phải có một hệ thống chính sách kiều hối đồng bộ và khoa học, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam.

Học hỏi kinh nghiệm của những quốc gia điển hình về thu hút và sử dụng kiều hối có hiệu quả, phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội không những có ý nghĩa về thực tiễn mà còn mang giá trị lý luận cao. Trong bối cảnh như trên, việc